

Bản án số: 05/2020/HNGĐ- ST

Ngày: 30/6/2020

“V/v Tranh chấp ly hôn, giải quyết nuôi con  
và chia tài sản chung”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH HÀ-TỈNH HÀ TĨNH:**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Khắc Hoàn.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trương Văn Thành và ông Nguyễn Văn Hữu.

*Thư ký phiên tòa:* Bà Hà Thị Vân N, *Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạch Hà.*

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Hà tham gia phiên tòa:*** Bà Hồ Thị Thùy Linh, Kiểm sát viên.

Hôm nay vào hồi 07 giờ 30 phút, ngày 30 tháng 6 năm 2020 tại Trụ sở- Tòa án nhân dân huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 133/2019/TLST-HNGĐ, ngày 30 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp “*Ly hôn, giải quyết nuôi con và chia tài sản chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2020/QĐXXST- HNGĐ, ngày 15 tháng 6 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 24 tháng 6 năm 2020 và Thông báo mở lại phiên tòa số 04/2020/TB-TA, ngày 25 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị **Phạm Lê Thị T**, sinh năm 1987 (*Có mặt*).

Địa chỉ: Thôn L, xã TLH, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

Nghề nghiệp: Lao động tự do.

*Bị đơn:* Anh **Nguyễn Đình A**, sinh năm 1981 (*Vắng mặt*).

Địa chỉ: Thôn L, xã TLH, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

Nghề nghiệp: Lao động tự do.

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

Bà **Đặng Thị N**, sinh năm 1947.

Địa chỉ: Số nhà 10, Ngõ 24 đường Nguyễn Công Trứ, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh. (*Có mặt*)

- Người đại diện theo ủy quyền của bà Đặng Thị N:

Chị **Hồ Thị N**, sinh năm 1971 (*Có mặt*).

Địa chỉ: Số nhà 69, đường Nguyễn Huy L, xã Thạch T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 07/12/2019, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ, nguyên đơn chị Phạm Lê Thị T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Lê Thị T và anh Nguyễn Đình A kết hôn với nhau trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (xã Thạch L), nay là xã TLH, huyện H vào ngày 05/11/2011, sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với gia đình bên nội ở Thôn L, xã Thạch L, huyện H. Vợ chồng chung sống hòa thuận được khoảng 01 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh A không có việc làm lại hay chấp nhận những mâu thuẫn nhỏ và có lần anh A đã đả đập chị. Vì thế nên chị T đã bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống, một thời gian sau thì chị quay về nhà chồng nhưng bố mẹ chồng không cho về nên chị lại trở về nhà ngoại sinh sống và sinh con. Sau đó được một thời gian thì vợ chồng trở về đoàn tụ nhưng đến cuối năm 2019 thì vợ chồng tiếp tục xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nên chị T lại trở về nhà mẹ đẻ sinh sống. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 01 năm 2020 đến nay. Chị nhận thấy đời sống hôn nhân không còn hạnh phúc, việc duy trì quan hệ hôn nhân chỉ tồn tại về mặt pháp lý nên chị làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Đình A.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Phạm Cao V, sinh ngày 06/9/2012 và cháu Nguyễn Phạm Quỳnh A1, sinh ngày 12/10/2015. Hiện tại 02 con đang sống cùng chị và gia đình bên ngoại ở Thôn L, xã TLH, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Nguyên vọng của chị T là được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng hai con đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh A cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Vợ chồng đã có văn bản thỏa thuận phân chia tài sản chung và đề nghị Tòa án ghi nhận vào quyết định ly hôn.

Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các tài liệu khác có tại hồ sơ, bị đơn anh Nguyễn Đình A trình bày:* Về thời gian, điều kiện kết hôn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn anh A thống nhất như chị T đã trình bày. Anh A bổ sung thêm hiện tại anh nhận thấy anh đã sai lầm trong việc đối xử với vợ con, có lần anh không kiềm chế được bản thân nên đã lỡ đả đập chị T giờ anh rất ân hận, mong chị T tha thứ cho anh để vợ chồng trở về đoàn tụ nuôi dạy con cái, nếu chị T cứ nhất định ly hôn thì anh không đồng ý.

Về con chung: Anh A thống nhất như chị T trình bày vợ chồng có 02 người con chung là Nguyễn Phạm Cao V, sinh ngày 06/9/2012 và Nguyễn Phạm Quỳnh A1, sinh ngày 12/10/2015. Hiện tại các con đang sống cùng với chị T cùng gia đình bên ngoại. Nếu vợ chồng ly hôn anh A có nguyện vọng được quyền chăm sóc, nuôi

dưỡng cháu Nguyễn Phạm Quỳnh A1 đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh A thống nhất như ý kiến của chị T trình bày, về tài sản chung vợ chồng đã có văn bản thỏa thuận phân chia về đề nghị Tòa án ghi nhận.

Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị N trình bày:* Trên mảnh đất của vợ chồng anh A và chị T có một cái Am do vợ chồng chúng tôi là ông Hồ Cao P và bà Đặng Thị N xây dựng vào khoảng năm 1992 để thờ cúng 07 người chết bom trên mảnh đất này. Nay vợ chồng chị T và anh A ly hôn, tôi có yêu cầu vợ chồng anh chị cắt một phần đất có diện tích 200m<sup>2</sup> trong đó, có tối thiểu 04 mét tám mặt đường tính lộ 17 để chúng tôi xây dựng khuôn viên Am thờ, làm nơi thờ cúng những người đã khuất.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương nơi anh A cư trú thì được thôn trưởng Thôn L, xã TLH cho biết: Kể từ khi kết hôn vợ chồng anh A và chị T về chung sống với gia đình bên nội ở tại Thôn L, xã TLH được một thời gian thì chị T bỏ về bên ngoại sinh sống. Một thời gian sau thì thấy vợ chồng trở về đoạn tụ nhưng đến năm 2019 thì vợ chồng lại tiếp tục xảy ra mâu thuẫn cãi vã đả đập nhau, chúng tôi nhận thấy chị T cũng đã cố gắng níu kéo để xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng anh A vẫn không thay đổi nên vợ chồng anh chị hiện nay đã sống ly thân. Quan điểm của chúng tôi mâu thuẫn giữa vợ chồng anh A và chị T khó có thể hàn gắn, hiện nay mỗi người sống một nơi vì thế đề nghị Tòa án căn cứ quy định của pháp luật để giải quyết vụ án.

Vào ngày 20/6/2020 chị Phạm Lê Thị T đã có văn bản gửi đến Tòa án với nội dung rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần phân chia tài sản chung.

Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay chị T chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết yêu cầu ly hôn và giải quyết nuôi con, còn đối với yêu cầu chia tài sản chung chị xin được rút.

Nguyên đơn anh Nguyễn Đình A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng tại phiên tòa hôm nay anh A vẫn vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa chị Hồ Thị N người đại diện theo ủy quyền của bà Đặng Thị N trình bày: Trên phần đất của vợ chồng chị T và anh A có cái Am của gia đình chúng tôi xây dựng từ năm 1992 để thờ cúng những người đã chết bom ở đây. Trong quá trình giải quyết vụ án vợ chồng anh A và chị T đã đồng ý cắt cho gia đình chúng tôi một phần đất để làm khuôn viên cái Am nhưng không hiểu lý do vì sao chị T lại rút yêu cầu này. Nếu chị T chưa có yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia tài sản chung của vợ chồng thì chúng tôi đề nghị chị T và anh A phải có trách nhiệm hương khói đầy đủ cho những người đã khuất được thờ cúng tại cái Am trong các ngày kỵ, ngày rằm hàng tháng. Hơn nữa, mảnh đất này hiện nay đang là tài sản chung của anh A và chị T nên anh chị phải tạo điều kiện cho gia đình chúng tôi có một lối đi vào Am để thắp hương trong các ngày rằm, lễ tết hàng năm.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Hà phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 71, 73 BLTTDS năm 2015 như giao nộp tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án; Nộp tiền tạm ứng án phí theo thông báo của Tòa án; Có mặt làm việc theo giấy triệu tập của Tòa án. Bị đơn anh Nguyễn Đình A trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án anh đã nhiều lần không tham gia các buổi làm việc theo giấy triệu tập của Tòa án là vi phạm quy định tại Điều 72 BLTTDS năm 2015.

Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ các Điều 51, khoản 1 Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn giữa chị Phạm Lê Thị T và anh Nguyễn Đình A. Về con chung: Giao 02 con chung Nguyễn Phạm Cao V, sinh ngày 06/9/2012 và cháu Nguyễn Phạm Quỳnh A1, sinh ngày 12/10/2015 cho chị Phạm Lê Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh A cấp dưỡng nên không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung: Vợ chồng có khối tài sản chung thuộc thửa đất số 98, tờ bản đồ số 10 tại Thôn L, xã Thạch L, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG319533, cấp ngày 04/4/2017. Trên thửa đất nói trên có 01 Am thờ do gia đình ông Hồ Cao P và bà Đặng Thị N xây dựng. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị T đã yêu cầu Tòa án phân chia thửa đất này tuy nhiên, vào ngày 20/6/2020 chị Phạm Lê Thị T có đơn tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện của mình về phần chia tài sản chung. Anh Nguyễn Đình A không có yêu cầu phản tố, bà Đặng Thị N không có yêu cầu độc lập về nội dung tranh chấp tài sản. Vì thế đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 200, Điều 201, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu đương sự đã rút. Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Điều 24, khoản 1 Điều 25, điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội đề nghị Hội đồng xét xử buộc chị Phạm Lê Thị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng*: Chị Phạm Lê Thị T khởi kiện xin ly hôn với anh Nguyễn Đình A, anh A có địa chỉ cư trú tại Thôn L, xã TLH, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vụ án được Tòa án nhân dân huyện Thạch Hà thụ lý ngày 30/12/2019 nhưng do vì thời gian dịch COVID 19 Tòa án không thể triệu tập đương sự đến làm việc

nên ngày 30/4/2020 Tòa án nhân dân huyện Thạch Hà đã ra quyết định gia hạn thời hạn xét xử vụ án với thời hạn 02 tháng.

Tại phiên tòa ngày 24/6/2020, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn anh Nguyễn Đình A vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa ngày 30/6/2020 bị đơn anh Nguyễn Đình A vẫn vắng mặt, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân*: Hôn nhân giữa chị Phạm Lê Thị T và anh Nguyễn Đình A được xác lập trên cơ sở tự nguyện, tuân thủ các điều kiện về kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã Thạch Lâm (nay là xã TLH), huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn nên hôn nhân của chị T và anh A là hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị về chung sống hạnh phúc được khoảng hơn 01 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn theo chị T trình bày là do tính cách của vợ chồng không hợp nhau, trong cuộc sống anh A thường xuyên chửi bới và có hành vi bạo hành gia đình đả đập chị, không yêu thương chăm lo cho vợ con, nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Vì thế nên vào cuối năm 2019 chị đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Tuy anh A không muốn ly hôn với chị T nhưng kể từ ngày vợ chồng sống ly thân, anh cũng đã bỏ vào Nam để làm việc anh không hề có động thái nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc duy trì quan hệ hôn nhân không còn tồn tại trên thực tế nên việc chị T yêu cầu giải quyết ly hôn là có căn cứ. Do vậy, nên xử chấp nhận ly hôn giữa chị Phạm Lê Thị T và anh Nguyễn Đình A là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình

[3]. *Về con chung*: Chị Phạm Lê Thị T và anh Nguyễn Đình A có 02 người con chung là cháu Nguyễn Phạm Cao V, sinh ngày 06/9/2012 và cháu Nguyễn Phạm Quỳnh A1, sinh ngày 12/10/2015. Hai cháu Cao Vương và Quỳnh Anh hiện nay đều đã trên 03 tuổi, cháu Vương hiện đang theo học tại trường tiểu học Thạch Lâm, còn cháu Quỳnh Anh đang học tại trường mầm non Thạch Lâm. Các cháu hiện đang sống cùng với chị T và gia đình ông bà ngoại, ly hôn chị T có nguyện vọng là được quyền nuôi cả 02 con, còn anh A thì có nguyện vọng là được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nguyễn Phạm Quỳnh A1 đến tuổi trưởng thành. Xét nguyện vọng nuôi con chung của vợ chồng anh chị là hoàn toàn chính đáng. Tuy nhiên, để giao cho ai là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng các con thì cần phải xem xét một cách toàn diện, tất cả vì lợi ích của các con.

Hội đồng xét xử xét thấy rằng kể từ ngày vợ chồng sống ly thân thì chị T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con, các con hiện đang sống ổn định cùng với chị và gia đình bên ngoại. Về điều kiện kinh tế thì chị làm nghề kinh doanh hàng ăn thu nhập trung bình mỗi tháng từ 07 đến 08 triệu đồng có xác nhận của chính quyền địa phương, với mức thu nhập như vậy chị cam đoan rằng sẽ có đủ điều kiện để chăm sóc nuôi dưỡng hai con. Còn đối với anh A trình bày thì hiện nay anh đang

làm tại Công ty TNHH gỗ Minh Thành ở huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai thu nhập trung bình hàng tháng khoảng 09 triệu đồng nhưng cũng tùy theo công việc, tháng có tháng không, hơn nữa nơi cư trú và công việc của anh đều không ổn định. Theo phần A của gia đình thì hiện tại anh A đã đi vào làm ở miền Nam và không có mặt tại địa phương. Tại đơn trình bày nguyện vọng của cháu Nguyễn Phạm Cao V trong trường hợp bố mẹ ly hôn cháu cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Quá trình các cháu sinh sống cùng với chị T và gia đình bên ngoại cũng đã ổn định, hơn nữa bố mẹ đẻ của chị T là ông Phạm Chí Nhân và bà Lê Thị Hậu cũng đã có văn bản gửi Tòa án cam kết sẽ tạo mọi điều kiện để chăm sóc nuôi dưỡng 02 cháu trong điều kiện tốt nhất.

Xét thấy để tạo điều kiện cho việc học tập cũng như sự phát triển ổn định, bình thường của 02 con chung, Tòa án cần giao cháu Nguyễn Phạm Cao V và cháu Nguyễn Phạm Quỳnh A1 cho chị Phạm Lê Thị T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung chị T không yêu cầu anh A cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[3]. *Về tài sản chung*: Vợ chồng anh A và chị T có khối tài sản chung là thửa đất có diện tích 651,1m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 98, tờ bản đồ số 10; Địa chỉ Thôn L, xã Thạch L, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG319533, cấp ngày 04/4/2017 mang tên hai vợ chồng. Nguồn gốc thửa đất là được tặng cho từ bố mẹ chồng, trên thửa đất này có 01 Am thờ do gia đình ông Hồ Cao P và bà Đặng Thị N xây dựng. Chị T yêu cầu Tòa án phân chia thửa đất này, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định, định giá tài sản đối với thửa đất và các tài sản trên đất. Sau khi có kết quả thẩm định, định giá tài sản thì vợ chồng chị T và anh A đã có văn bản thỏa thuận, thống nhất phương án phân chia tài sản chung và đề nghị Tòa án ghi nhận vào quyết định ly hôn. Tuy nhiên, đến ngày 20/6/2020 chị T lại có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về phân chia tài sản chung với lý do vợ chồng thống nhất để lại tài sản chung cho các con. Trong quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Đình A bị đơn không có yêu cầu phản tố, bà Đặng Thị N người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập về nội dung tranh chấp tài sản. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện chia tài sản của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Trong quá trình giải quyết vụ án bà Đặng Thị N có yêu cầu vợ chồng chị T và anh A cắt một phần đất của vợ chồng để gia đình bà có điều kiện tôn tạo, xây dựng khuôn viên cái Am làm nơi thờ tự những người đã khuất. Nay nguyên đơn chị T đã rút yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Nếu bà N vẫn tiếp tục có yêu cầu thì bà có quyền khởi kiện bằng một vụ án dân sự độc lập.

[4]. *Về nợ chung*: Vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[5]. *Về chi phí thẩm định và định giá tài sản*: Vào ngày 20/6/2020 nguyên đơn đã có văn bản rút yêu cầu chia tài sản chung và tự nguyện chịu toàn bộ chi phí thẩm định, định giá tài sản nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6]. *Về án phí*: Chị Phạm Lê Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 200, Điều 201, khoản 2 Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Lê Thị T.

[1]. *Về hôn nhân*: Xử cho chị Phạm Lê Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Đình A.

[2]. *Về con chung*: Giao 02 con chung Nguyễn Phạm Cao V, sinh ngày 06/9/2012 và Nguyễn Phạm Quỳnh A1, sinh ngày 12/10/2015 cho chị Phạm Lê Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh Nguyễn Đình A không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị T.

Anh Nguyễn Đình A được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cấm hay cản trở.

[3]. *Về tài sản chung*: Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản chung của nguyên đơn chị Phạm Lê Thị T.

[4]. *Về án phí*: Buộc chị Phạm Lê Thị T phải nộp 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng chị T được trừ đi số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) theo Biên lai thu tiền số AA/2016/0003480, ngày 27/12/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh. Anh Nguyễn Đình A không phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

[5]. *Về quyền kháng cáo bản án*: Nguyên đơn chị Phạm Lê Thị T, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị N có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này lên cấp xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn anh Nguyễn Đình A vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này lên cấp xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Hà Tĩnh;

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND huyện Thạch Hà;
- Chi cục THADS huyện Thạch Hà;
- UBND xã TLH(xóa đăng ký);
- Các Đương sự;
- Văn phòng Tòa án (để công bố công TTĐT)
- Lưu HSVA+VT.

**Nguyễn Khắc Hoàn**